

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ

Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 03/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ như sau¹:

¹ Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 03/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ."

Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc tổ chức, thực hiện và bảo đảm các chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam. Trong trường hợp có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 9 Nghị định số 03/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, các quy định của Thông tư này cũng được áp dụng đối với chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài bay đến, bay đi hoặc bay trong vùng trời Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức thực hiện bảo đảm các chuyến bay chuyên cơ.

Điều 2. Yêu cầu đối với hãng hàng không Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ

1. Có giấy chứng nhận người khai thác tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp còn hiệu lực; có năng lực và phạm vi hoạt động được phê chuẩn trong giấy chứng nhận phù hợp với nhiệm vụ chuyên cơ được phân công.

2. Có thời gian hoạt động khai thác tàu bay thương mại tối thiểu là 05 (năm); có chương trình quản lý an toàn và chương trình độ tin cậy đối với việc khai thác và bảo đảm kỹ thuật tàu bay theo quy định được thực hiện đáp ứng đầy đủ và toàn diện các yêu cầu về an toàn hàng không.

Chương 2. TÀU BAY, TỔ LÁI VÀ NHÂN VIÊN ĐI THEO TÀU BAY THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN CƠ

Điều 3. Yêu cầu đối với tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ

1. Đăng ký mang quốc tịch Việt Nam và được khai thác bởi hãng hàng không đáp ứng quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

2. Thuộc loại tàu bay có hai động cơ trở lên.

3. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện bay còn hiệu lực.

4. Tại thời điểm thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm các công việc bảo dưỡng cho tàu bay và thiết bị lắp trên tàu bay theo chương trình bảo dưỡng được phê chuẩn;

b) Thực hiện đầy đủ các chỉ lệnh đủ điều kiện bay áp dụng cho kiểu loại tàu bay đó;

c) Không có hỏng hóc xảy ra trên cùng một thiết bị hoặc hệ thống với các hiện tượng hỏng hóc tương tự trong khoảng thời gian 03 (ba) ngày khai thác hoặc 07 (bảy) chuyến bay liên tục mà chưa được khắc phục triệt để hoặc hỏng hóc được phép trì hoãn theo tài liệu danh mục thiết bị tối thiểu (MEL) trên các

hệ thống trọng yếu của tàu bay, bao gồm hệ thống tạo lực đẩy, báo và dập cháy, thủy lực và điều khiển tàu bay;

d) Có đầy đủ thiết bị khẩn nguy, an toàn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động.

5. Có thời gian hoạt động của thân tàu bay không quá 2/3 thọ mệnh (life limit), nếu có, theo quy định của nhà chế tạo tính theo thời gian (calendar), giờ bay (flight hours) hoặc số lần cất, hạ cánh (cycles).

6. Hồ sơ khai thác, bảo dưỡng phải đảm bảo đầy đủ, rõ ràng tại thời điểm chuẩn bị chuyến bay chuyên cơ.

7. Có cấu hình đáp ứng được các yêu cầu về nghi lễ ngoại giao khi có yêu cầu.

8. Có tối thiểu 02 (hai) chỗ nằm nghỉ hoặc ghế ngồi tiện lợi cho nhu cầu nghỉ ngơi của khách chuyên cơ khi chuyên bay kéo dài từ 04 (bốn) giờ trở lên.

9. Được Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc hãng hàng không Việt Nam quyết định bằng văn bản cho tàu bay được làm nhiệm vụ chuyên cơ.

Điều 4. Yêu cầu đối với động cơ lắp trên tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ

1. Được khai thác và bảo dưỡng phù hợp với các tài liệu khai thác, chương trình bảo dưỡng được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn.

2. Có hồ sơ, lý lịch khai thác, bảo dưỡng hoặc đại tu đầy đủ và rõ ràng.

3. Không còn hỏng hóc xảy ra trên cùng một thiết bị hoặc hệ thống với các hiện tượng hỏng hóc tương tự trong khoảng thời gian 03 (ba) ngày khai thác hoặc 07 (bảy) chuyến bay liên tục chưa được khắc phục triệt để hoặc hỏng hóc được phép trì hoãn theo tài liệu danh mục thiết bị tối thiểu (MEL) trên các hệ thống trọng yếu của động cơ như hệ thống điều khiển, báo và dập cháy, chỉ báo tham số hoạt động của động cơ.

4. Được Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc hãng hàng không Việt Nam quyết định bằng văn bản cho động cơ được sử dụng cho tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ.

Điều 5. Tiêu chuẩn người lái tàu bay chuyên cơ

1. Đáp ứng các điều kiện phù hợp với kiểu, loại hình khai thác tàu bay liên quan theo quy định.

2. Đối với người lái tàu bay mang quốc tịch Việt Nam:

a) Có trình độ chuyên môn, kỹ năng bay và khả năng thông thạo ngôn ngữ tiếng Anh từ mức 04 (bốn) trở lên theo tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế;

b) Có tổng số giờ bay tích lũy tối thiểu là 4.000 giờ đối với lái chính và 2.000 giờ đối với lái phụ trong trường hợp loại tàu bay có thời gian chuyến bay trung bình trên chuyên bay lớn hơn 02 (hai) giờ; 3.000 giờ đối với lái chính và 1.500 giờ đối với lái phụ trong trường hợp loại tàu bay có thời gian chuyến bay trung bình trên chuyến bay nhỏ hơn 02 (hai) giờ;

c)² Có tổng số giờ bay tích lũy trên loại tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ theo vị trí lái tối thiểu là 500 giờ và 300 giờ trong trường hợp loại tàu bay có thời gian chuyển bay trung bình nhỏ hơn 02 giờ.

Đối với loại tàu bay mới, trong thời gian 01 năm kể từ khi đưa vào khai thác, trường hợp có yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ, người khai thác tàu bay có trách nhiệm đánh giá năng lực người lái trên cơ sở đã đáp ứng tổng số giờ bay tích lũy quy định tại điểm này đối với loại tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ khai thác trước đó và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để giám sát.

d) Có đạo đức, tác phong, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, lý lịch rõ ràng;

đ) Trong quá trình công tác bay chưa mắc sai phạm gây uy hiếp an toàn từ mức khiển trách về bay trở lên trong vòng 24 tháng trước thời gian thực hiện nhiệm vụ chuyển bay chuyên cơ;

e) Được Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc hãng hàng không Việt Nam quyết định bằng văn bản được làm nhiệm vụ chuyên cơ.

3. Đối với người lái tàu bay mang quốc tịch nước ngoài:

a) Đã có hợp đồng lao động với hãng hàng không thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ tối thiểu là 24 tháng tính đến thời điểm xét chọn để phục vụ bay chuyên cơ; trường hợp đặc biệt có yêu cầu sử dụng loại tàu bay mới được khai thác tại Việt Nam chưa quá 24 tháng, có thể sử dụng người lái có thời hạn hợp đồng tối thiểu là 03 tháng;

b) Có giấy phép lái tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp với kiểu loại tàu bay và năng định phù hợp với nhiệm vụ chuyên cơ dự kiến thực hiện;

c) Có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật tốt để hoàn thành nhiệm vụ chuyên cơ Việt Nam;

d)³ Đáp ứng được các tiêu chuẩn người lái chuyên cơ quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này;

đ) Thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ cùng người lái Việt Nam;

e) Được Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc hãng hàng không Việt Nam quyết định bằng văn bản được làm nhiệm vụ chuyên cơ.

² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Điều 6. Tiêu chuẩn tiếp viên phục vụ trên tàu bay chuyên cơ

1. Đáp ứng các yêu cầu kiến thức về an toàn khoang hành khách theo quy định;
2. Có quốc tịch Việt Nam;
3. Có tổng thời gian tích lũy nghiệp vụ tiếp viên từ 700 giờ trở lên;
- 4.⁴ Có tổng thời gian tích lũy nghiệp vụ tiếp viên trên loại tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ từ 100 giờ trở lên.

Đối với loại tàu bay mới, trong thời gian 01 năm kể từ khi đưa vào khai thác, trường hợp có yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ, người khai thác tàu bay có trách nhiệm đánh giá năng lực tiếp viên trên cơ sở đã đáp ứng tổng số giờ bay tích lũy quy định tại điểm này đối với loại tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ khai thác trước đó và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để giám sát.

5. Có đạo đức, tác phong, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, lý lịch rõ ràng;

6. Không mắc sai phạm bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm xét chọn để phục vụ bay chuyên cơ;

7. Được Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc hãng hàng không Việt Nam quyết định bằng văn bản được làm nhiệm vụ chuyên cơ.

Điều 7. Tiêu chuẩn nhân viên kỹ thuật đi theo tàu bay chuyên cơ

1. Là người Việt Nam hoặc nước ngoài, đáp ứng các tiêu chuẩn của nhân viên kỹ thuật tàu bay theo quy định.

2. Có giấy phép ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng mức B1, B2 hoặc C đối với loại tàu bay mà nhân viên đó đi theo phục vụ;

3. Có đạo đức, tác phong, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, lý lịch rõ ràng;

4. Không mắc sai phạm bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm xét chọn để phục vụ bay chuyên cơ;

5. Được Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc hãng hàng không Việt Nam quyết định bằng văn bản được làm nhiệm vụ chuyên cơ.

Điều 8. Xác nhận tình trạng kỹ thuật tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ

1. Ngoài việc tuân thủ các quy định về xác nhận hoàn thành bảo dưỡng, nhân viên kỹ thuật có thẩm quyền của hãng hàng không Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ phải ký xác nhận đạt kết quả tốt đối với công tác chuẩn bị kỹ thuật tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ vào sổ Nhật ký chuyến bay chuyên cơ.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

2. Nhân viên kỹ thuật nêu tại khoản 1 của Điều này là người Việt Nam hoặc nước ngoài, được Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc hãng hàng không Việt Nam quyết định bằng văn bản được thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ.

Điều 9. Quản lý danh mục tàu bay, động cơ tàu bay chuyên cơ và danh sách tổ bay, nhân viên kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ

1. Hãng hàng không Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ lập, quản lý, thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam danh mục tàu bay, động cơ lắp trên tàu bay chuyên cơ Việt Nam, danh sách tổ bay, nhân viên kỹ thuật được phép thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7 và 8 của Thông tư này.

2. Hãng hàng không Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ thông báo bằng văn bản và fax cho Cảng vụ hàng không liên quan danh mục toàn bộ nhân viên của hãng không phải là tổ bay đi theo tàu bay để phục vụ chuyến bay chuyên cơ trước khi thực hiện việc đưa khách lên tàu bay.

**Chương 3.
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

Điều 10. Khu vực dành riêng phục vụ chuyến bay chuyên cơ

1. Người khai thác cảng hàng không phải xác định khu vực sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay, nhà khách để phục vụ chuyến bay chuyên cơ.

2. Khu vực sân đỗ, vị trí đỗ dành cho tàu bay chuyên cơ phải được bảo đảm hành lang bảo vệ bao quanh và các điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn khác đối với tàu bay chuyên cơ; bảo đảm an ninh, an toàn, trang trọng và thuận tiện cho các lễ nghi đón, tiễn khách chuyên cơ.

3.⁵ Người khai thác cảng hàng không, sân bay xác định trong tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay quy trình khai thác khu vực sân đỗ, vị trí đỗ, tuyến đường lăn, nhà khách phục vụ chuyến bay chuyên cơ tại sân bay thuộc quyền quản lý.

4.⁶ Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không xác định khu vực và quy trình phục vụ hàng hóa, hành lý của đoàn khách chuyên cơ trong tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay được thuận tiện, nhanh chóng và bảo đảm các quy định liên quan đến an ninh, an toàn hàng không.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Điều 11. Đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, hệ thống thiết bị bảo đảm hoạt động bay cho chuyến bay chuyên cơ

1. Người khai thác cảng hàng không phải thực hiện công việc kiểm tra đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay bảo đảm các điều kiện an toàn cho chuyến bay. Công việc kiểm tra phải được kết thúc trong khoảng thời gian từ 30 đến 45 phút trước thời gian cất hoặc hạ cánh dự kiến của tàu bay chuyên cơ.

2. Người khai thác cảng hàng không xây dựng danh mục, nội dung và thực hiện công việc kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các hệ thống thiết bị bảo đảm hoạt động bay chính và dự phòng cho doanh nghiệp quản lý. Công việc kiểm tra phải được hoàn thành trong khoảng thời gian từ 90 phút đến 180 phút trước thời gian cất hoặc hạ cánh dự kiến của tàu bay chuyên cơ.

3. Công việc kiểm tra quy định tại khoản 1 và khoản 2 phải được thể hiện bằng văn bản và lưu trữ tại các đơn vị liên quan.

Điều 12. Hạn chế khai thác tại cảng hàng không khi có hoạt động chuyên cơ

1.⁷ Đối với chuyến bay đến: 05 phút trước khi tàu bay hạ cánh, dành riêng đường cất hạ cánh đã được xác định để phục vụ chuyên cơ; sau khi tàu bay đã hạ cánh và thoát ly khỏi đường cất hạ cánh thì đường cất hạ cánh trở lại hoạt động bình thường và dành riêng đường lăn, khu vực sân đỗ đã được xác định để phục vụ chuyên cơ; đường lăn chỉ được phép trở lại hoạt động bình thường sau khi tàu bay chuyên cơ đã lăn vào khu vực sân đỗ tàu bay.

2.⁸ Đối với chuyến bay đi: vị trí đỗ của tàu bay chuyên cơ được bảo vệ và cách ly từ thời điểm tàu bay chuyên cơ vào vị trí để thực hiện các công việc chuẩn bị cho chuyến bay; kể từ khi cấp huấn lệnh nổ máy, cơ sở điều hành bay dành riêng tuyến đường lăn cho chuyến bay chuyên cơ, sau khi tàu bay chuyên cơ lên đường lăn thì khu vực sân đỗ được trở lại hoạt động bình thường. 05 phút trước khi tàu bay chuyên cơ lên đường cất hạ cánh, cơ sở điều hành bay dành riêng đường cất hạ cánh cho chuyến bay chuyên cơ, sau khi tàu bay chuyên cơ lăn đến điểm chờ để cất cánh, đường lăn được phép trở lại hoạt động bình thường. Sau khi tàu bay chuyên cơ cất cánh, đường cất hạ cánh được phép trở lại hoạt động bình thường. Đối với sân bay có nhiều đường cất hạ cánh thì đường cất hạ cánh không có kế hoạch dự kiến cho tàu bay chuyên cơ cất, hạ cánh được hoạt động bình thường theo quy định về khai thác các đường cất hạ cánh song song.

3. Người khai thác cảng hàng không không chịu trách nhiệm tổ chức thông báo kịp thời bằng bộ đàm và/hoặc điện thoại để người, người điều khiển phương tiện

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

đang hoạt động tại khu vực liên quan đến hoạt động của chuyến bay chuyên cơ biết và tuân thủ việc hạn chế khai thác tại cảng hàng không khi có hoạt động của chuyến bay chuyên cơ.

4. Khi có thông báo hạn chế khai thác, người và các phương tiện không phục vụ chuyến bay chuyên cơ đang hoạt động tại các khu vực liên quan đến hoạt động của chuyến bay chuyên cơ phải tạm ngừng hoạt động.

5. Các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này không áp dụng trong trường hợp xảy ra trường hợp khẩn nguy sân bay.

Chương 4. BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 13. Thông báo tin tức hàng không

1. Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm phát NOTAM về việc hạn chế khai thác tại các Cảng hàng không khi nhận được thông báo từ Cục Hàng không Việt Nam về kế hoạch bay chuyên cơ và các sửa đổi, bổ sung.

2.⁹ Khi giờ cất, hạ cánh dự kiến của tàu bay chuyên cơ sai lệch so với giờ dự kiến trong kế hoạch bay không lưu quá 10 phút thì xử lý như sau:

a) Đối với chuyến bay đến: công ty quản lý bay khu vực có trách nhiệm thông báo kịp thời cho người khai thác cảng hàng không; người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng không, Trung tâm thông báo tin tức hàng không và người khai thác tàu bay;

b) Đối với chuyến bay đi: hãng hàng không có trách nhiệm thông báo kịp thời cho người khai thác cảng hàng không; người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng không, Công ty quản lý bay khu vực và Trung tâm thông báo tin tức hàng không;

c) Các đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện công tác phục vụ chuyên cơ theo kế hoạch điều chỉnh.

Điều 14. Tiêu chuẩn kiểm soát viên không lưu

1. Đáp ứng các tiêu chuẩn chung theo quy định đối với kiểm soát viên không lưu.

2. Có trình độ nghiệp vụ và kinh nghiệm xử lý tốt các tình huống bất trắc khi điều hành bay.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

3.¹⁰ Có thời gian điều hành hoạt động bay tại các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Có đạo đức, tác phong, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, lý lịch rõ ràng.

5. Không mắc các sai phạm gây uy hiếp an toàn bay trong thời gian 12 tháng trước khi thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ.

6.¹¹ Được người đứng đầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay hoặc người được ủy quyền đánh giá năng lực, quyết định bằng văn bản được làm nhiệm vụ phục vụ chuyên cơ đối với kiểm soát viên không lưu trực thuộc.

Điều 15. Phân cách giữa tàu bay chuyên cơ với các tàu bay khác và phân cách giữa các tàu bay chuyên cơ¹²

1. Trong khu vực sân bay: Việc phân cách tàu bay chuyên cơ với các tàu bay khác trên mặt đất trong khu hoạt động bay phải phù hợp với các điều kiện hạn chế quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Trong khu vực kiểm soát tiếp cận, không áp dụng hình thức bay vượt tàu bay chuyên cơ trên cùng một hành lang, vệt bay. Giá trị phân cách tối thiểu giữa tàu bay chuyên cơ và các tàu bay khác trong khu vực kiểm soát tiếp cận được áp dụng như sau:

a) Đối với phân cách bằng ra đa: 10 NM;

b) Các hình thức phân cách khác áp dụng theo tiêu chuẩn.

3. Trong khu vực kiểm soát đường dài:

a) Hạn chế tối đa việc thay đổi độ cao bay đường dài, hướng bay so với đường bay theo kế hoạch bay của tàu bay chuyên cơ;

b) Không được yêu cầu thay đổi tốc độ của tàu bay chuyên cơ;

c) Giá trị phân cách tối thiểu giữa tàu bay chuyên cơ và các tàu bay khác trong khu vực kiểm soát đường dài được áp dụng như sau: đối với phân cách bằng ra đa: 20 NM; các hình thức phân cách khác áp dụng theo tiêu chuẩn.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

¹² Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

4.¹³ Phân cách giữa các tàu bay chuyên cơ với nhau được áp dụng theo tiêu chuẩn phân cách của Quy chế không lưu hiện hành

Điều 16. Quản lý danh sách kiểm soát viên không lưu phục vụ chuyến bay chuyên cơ¹⁴

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm lập, quản lý danh sách kiểm soát viên không lưu được phép điều hành chuyến bay chuyên cơ.

Điều 17. Nguyên tắc ưu tiên trong công tác điều hành bay chuyên cơ trường hợp có nhiều tàu bay cùng hoạt động

1. Khi cất cánh: tàu bay làm nhiệm vụ chuyên cơ có quyền ưu tiên cất cánh sau tàu bay cất cánh chiến đấu;

2. Khi hạ cánh: tàu bay chuyên cơ có quyền ưu tiên hạ cánh sau tàu bay phải hạ cánh khẩn cấp và tàu bay mà lượng nhiên liệu còn lại không đủ để thực hiện bay chờ hoặc bay đi sân bay dự bị an toàn.

Chương 5.

BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 18. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay cấp cho người, phương tiện phục vụ chuyên cơ¹⁵

1. Đối tượng, thẩm quyền cấp, quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay cho người, phương tiện phục vụ chuyên cơ theo quy định chi tiết tại Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.

2. Thủ trưởng đơn vị tham gia phục vụ chuyến bay chuyên cơ, phục vụ khách của chuyến bay chuyên cơ đăng ký danh sách người phục vụ thường xuyên chuyến bay chuyên cơ, khách của chuyến bay chuyên cơ với Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không khu vực để được cấp thẻ có giá trị sử dụng nhiều lần, trong đó nêu rõ nhiệm vụ thường xuyên của người được đề nghị cấp thẻ, tổng số thẻ kiểm soát an ninh có giá trị sử dụng nhiều lần.

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

¹⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

3. Thủ trưởng đơn vị quản lý phương tiện hoạt động trong khu bay phục vụ trực tiếp chuyến bay chuyên cơ đăng ký danh sách phương tiện với Cảng vụ hàng không khu vực để được cấp giấy phép có giá trị sử dụng nhiều lần, trong đó nêu rõ chức năng sử dụng của phương tiện đối với chuyến bay chuyên cơ.

4. Thủ trưởng, người được ủy quyền của đơn vị tham gia phục vụ chuyến bay chuyên cơ đăng ký với Cảng vụ hàng không danh sách người, phương tiện đề nghị cấp thẻ, giấy phép sử dụng một lần, xuất trình thẻ kiểm soát an ninh hoặc giấy tờ nhận dạng, ký nhận vào sổ theo dõi cấp phát thẻ, giấy phép. Sau khi kết thúc công việc phục vụ chuyên cơ, người ký nhận thẻ có trách nhiệm thu hồi, trả lại Cảng vụ hàng không số thẻ, giấy phép đã được cấp và ký xác nhận đã trả đầy đủ thẻ, giấy phép.

5. Thủ trưởng, người được ủy quyền của đơn vị có trách nhiệm phục vụ, đón, tiễn khách của chuyến bay chuyên cơ đăng ký với Cảng vụ hàng không danh sách người, phương tiện đề nghị cấp thẻ, giấy phép sử dụng một lần, xuất trình thẻ kiểm soát an ninh hoặc giấy tờ nhận dạng; nộp giấy tờ nhận dạng của người được đề nghị cấp thẻ, ký nhận vào sổ theo dõi cấp phát thẻ, giấy phép. Sau khi kết thúc công việc, người ký nhận thẻ có trách nhiệm thu hồi, trả lại Cảng vụ hàng không số thẻ, giấy phép đã được cấp, ký xác nhận đã trả đầy đủ thẻ, giấy phép và nhận lại giấy tờ nhận dạng đã nộp.

6. Địa điểm cấp thẻ, giấy phép sử dụng một lần phải nằm ngoài khu vực phục vụ chuyên cơ. Chữ ký của người đăng ký nhận thẻ, giấy phép nêu tại khoản 4 và khoản 5 của Điều này phải được đăng ký trước với Cảng vụ hàng không. Việc cấp, thu hồi thẻ, giấy phép phải được cơ quan cấp thẻ, giấy phép ghi chép và lưu giữ trong sổ cấp thẻ với các nội dung: tên người được cấp, đơn vị công tác, nhiệm vụ thực hiện, số thẻ, giấy phép, ký nhận, trả thẻ.

Điều 18a. Miễn kiểm tra an ninh hàng không¹⁶

1. Miễn kiểm tra an ninh hàng không đối với người, hành lý xách tay của đối tượng được phục vụ chuyến bay chuyên cơ quy định tại Điều 5 Nghị định số 03/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ.

2. Miễn kiểm tra an ninh hàng không đối với các cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, đại diện ngoại giao của nước ngoài vào đón tiễn đối tượng được phục vụ chuyến bay chuyên cơ, bao gồm:

a) Trưởng ban Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương và các chức vụ tương đương trở lên;

b) Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên;

c) Bí thư, Chủ tịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các chức vụ tương đương trở lên;

¹⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

d) Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam.

3. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh cảnh vệ - Bộ Công an trong việc kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với chuyến bay chuyên cơ theo quy định về bảo đảm chuyến bay chuyên cơ.

Điều 19. Đảm bảo an ninh trật tự, an ninh hàng không tại khu vực công cộng, khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay khi có chuyến bay chuyên cơ¹⁷

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không phối hợp với công an địa phương thiết lập các chốt kiểm soát tại các đường ra, vào và khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay; bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, thiết bị và công cụ hỗ trợ phù hợp cùng lực lượng công an địa phương tổ chức tuần tra, kiểm soát, duy trì trật tự tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay trong suốt quá trình chuẩn bị và phục vụ chuyên cơ; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi gây mất an ninh, an toàn cho chuyến bay chuyên cơ.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay bố trí đủ lực lượng, trang thiết bị an ninh để giám sát, kiểm soát người, phương tiện ra, vào, hoạt động trong khu vực phục vụ chuyên cơ; hành lý, hàng hóa khi đưa vào khu vực phục vụ chuyên cơ; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi gây uy hiếp an ninh, an toàn của chuyến bay chuyên cơ.

Điều 20. Bảo đảm an ninh suất ăn cho khách chuyên cơ

1. Doanh nghiệp chế biến suất ăn có trách nhiệm bảo đảm về an ninh, an toàn thực phẩm đối với suất ăn cho chuyến bay chuyên cơ xuất phát từ Việt Nam; niêm phong và lưu giữ các mẫu suất ăn cho khách chuyên cơ ít nhất 24 giờ, kể từ khi đưa suất ăn lên phục vụ trên tàu bay chuyên cơ.

2.¹⁸ Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với hãng hàng không thực hiện chuyến bay chuyên cơ, doanh nghiệp chế biến suất ăn thực hiện việc kiểm tra bằng trực quan đối với suất ăn cho chuyến bay chuyên cơ xuất phát từ Việt Nam trước khi đưa vào tủ đựng suất ăn của tàu bay, niêm phong an ninh tủ đựng suất ăn và bố trí nhân viên an ninh hàng không áp tải suất ăn từ nơi chế biến ra tàu bay.

3. Hãng hàng không thực hiện chuyến bay chuyên cơ phối hợp với Bộ Tư lệnh cảnh vệ thực hiện công tác kiểm tra an ninh phù hợp đối với suất ăn cho chuyến bay chuyên cơ khi ở nước ngoài.

¹⁷ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

4. Tổ bay chỉ được tiếp nhận lên tàu bay tử đựng suất ăn cho khách chuyên cơ còn nguyên niêm phong an ninh.

Điều 21. Chất lượng đối với nhiên liệu của tàu bay chuyên cơ

1. Hãng hàng không kiểm tra, giám sát việc bảo đảm chất lượng đối với nhiên liệu tra nạp cho tàu bay chuyên cơ theo quy định.

2. Nhiên liệu trước khi nạp lên tàu bay chuyên cơ phải có phiếu Chứng nhận kiểm tra chất lượng nhiên liệu phù hợp.

3. Nhiên liệu còn lại trên tàu bay phải được kiểm tra chất lượng theo tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng tàu bay; nhiên liệu còn trên tàu bay không đáp ứng yêu cầu phải được rút khỏi tàu bay, thùng chứa nhiên liệu của tàu bay phải được súc rửa trước khi nạp nhiên liệu mới.

4.¹⁹ Công tác kiểm tra an ninh đối với phương tiện, người điều khiển phương tiện vận chuyển nhiên liệu của tàu bay chuyên cơ trước khi vào khu bay tại Việt Nam:

a) Trường hợp xe chở nhiên liệu tra nạp cho tàu bay chuyên cơ đi qua khu vực công cộng thì phải có nhân viên bảo vệ của đơn vị tra nạp đi kèm áp tải;

b) Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm kiểm tra toàn bộ phương tiện vận chuyển nhiên liệu cho tàu bay, bảo đảm các cửa xả và cửa nạp của phương tiện tra nạp còn nguyên niêm phong trước khi vào khu vực hạn chế;

c) Đơn vị tra nạp phải phân công nhân viên điều khiển phương tiện, nhân viên tra nạp có tay nghề cao, phẩm chất đạo đức tốt để thực hiện nhiệm vụ; thực hiện đúng quy trình kiểm tra xe tra nạp và các phương tiện tra nạp trước khi thực hiện việc tra nạp.

5.²⁰ Công tác kiểm tra, giám sát an ninh, an toàn trước và trong quá trình tra nạp nhiên liệu lên tàu bay chuyên cơ:

a) Việc nạp nhiên liệu lên tàu bay tại Việt Nam được thực hiện dưới sự giám sát trực tiếp của tổ giám sát với các thành phần như sau: đại diện cơ quan Cảng vụ; đại diện tổ kỹ thuật chuẩn bị tàu bay chuyên cơ; đại diện người khai thác cảng hàng không; đại diện của đơn vị kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; đại diện đơn vị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay chuyên cơ; có biên bản ghi nhận do đại diện Cảng vụ hàng không thực hiện;

b) Việc nạp nhiên liệu lên tàu bay tại nước ngoài được thực hiện dưới sự giám sát trực tiếp của tổ giám sát với các thành phần như sau: đại diện tổ kỹ thuật chuẩn bị tàu bay chuyên cơ; đại diện Bộ Tư lệnh cảnh vệ;

¹⁹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

²⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

c) Tổ giám sát có trách nhiệm: kiểm tra tính hợp pháp của Phiếu chứng nhận kiểm tra chất lượng nhiên liệu; kiểm tra niêm phong các cửa xả, nạp của phương tiện tra nạp; giám sát toàn bộ quá trình tra nạp nhiên liệu lên tàu bay; giám sát việc lấy mẫu và niêm phong mẫu sau khi tra nạp đối với trường hợp việc nạp nhiên liệu được thực hiện tại Việt Nam;

d) Phiếu chứng nhận kiểm tra chất lượng nhiên liệu theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025 quy định tại điểm c khoản này phải được thủ trưởng hoặc người được ủy quyền của đơn vị cung cấp nhiên liệu hoặc người phụ trách phòng thử nghiệm ký xác nhận.

6. Lấy mẫu, lưu trữ mẫu nhiên liệu và các giấy chứng nhận kiểm tra chất lượng nhiên liệu tại Việt Nam:

a) Trước khi tra nạp phải tiến hành lấy mẫu nhiên liệu còn lại trên tàu bay và nhiên liệu chứa trên phương tiện tra nạp, niêm phong và lưu mẫu nhiên liệu; vật dụng dùng để lưu mẫu có dung tích tối thiểu là 01 lít làm bằng vật liệu không có khả năng làm thay đổi tính chất nhiên liệu;

b) Trên mỗi mẫu phải ghi rõ: số hiệu tàu bay được nạp, số hiệu xe tra nạp, thời gian lấy mẫu, tên người lấy mẫu, ngày niêm phong, tên và chữ ký của người niêm phong;

c) Chứng nhận kiểm tra chất lượng nhiên liệu, mẫu nhiên liệu chuyên cơ phải được lưu tại đơn vị cung cấp nhiên liệu và người khai thác cảng hàng không nơi nạp nhiên liệu cho đến khi tàu bay chuyên cơ hạ cánh an toàn ở sân bay đến.

7. Đối với chuyên cơ nước ngoài, thực hiện theo các quy định tại Điều này và các yêu cầu khác của người khai thác tàu bay.

Điều 22. Bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam

1.²¹ Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay bố trí lực lượng kiểm soát an ninh hàng không canh gác, giám sát, bảo vệ tàu bay chuyên cơ từ khi tàu bay được đưa vào vị trí đỗ chuẩn bị khai thác cho đến khi kết thúc công tác phục vụ chuyên cơ.

2.²² Trong trường hợp tàu bay chuyên cơ đỗ qua đêm, hãng hàng không phải niêm phong cửa tàu bay và bàn giao cho lực lượng kiểm soát an ninh của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; khu vực tàu bay đỗ phải đủ cường độ ánh sáng và được bố trí người canh gác hoặc giám sát bằng camera nhằm phát hiện, ngăn chặn người,

²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

²² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

phương tiện tiếp cận tàu bay trái phép. Cầu thang, ống lồng, băng chuyền và các phương tiện phục vụ khác phải được di dời khỏi tàu bay.

3.²³ Công tác kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không đối với tàu bay, người, hành lý, hàng hóa của chuyến bay chuyên cơ, bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay được thực hiện theo quy định của Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18a của Thông tư này.

4. Công tác kiểm tra, giám sát an ninh hàng không đối với đồ vật phục vụ trên tàu bay chuyên cơ:

a) Đồ vật phục vụ trên tàu bay trước khi đưa lên tàu bay phải được kiểm tra an ninh hàng không bằng máy soi tia X hoặc kiểm tra trực quan và chịu sự giám sát an ninh liên tục cho tới khi đưa lên tàu bay.

b) Đồ vật phục vụ trên tàu bay khi đưa lên, đưa xuống tàu bay phải được kiểm tra an ninh, đối chiếu về số lượng, chủng loại.

c) Đồ vật phục vụ trên tàu bay thực hiện chuyến bay thông thường trong nội địa Việt Nam đã được kiểm tra an ninh được phép để lại trên tàu bay để thực hiện chuyến bay chuyên cơ mà không phải đưa xuống để thực hiện lại việc kiểm tra an ninh.

Điều 23. Bảo đảm an ninh đối với chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài²⁴

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm kiểm tra an ninh toàn bộ người, hành lý, hàng hóa, vật phẩm của đoàn khách chuyên cơ tại cảng hàng không; phối hợp với an ninh của đoàn khách chuyên cơ áp tải hành lý ký gửi, hàng hóa từ nơi kiểm tra an ninh tới tàu bay chuyên cơ.

2. Đối với chuyến bay chuyên cơ riêng biệt, nếu phía nước ngoài có công hàm thông báo cho Việt Nam hoặc Bộ Ngoại giao có yêu cầu bằng văn bản không kiểm tra an ninh hàng không thì Cục Hàng không Việt Nam có văn bản yêu cầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay thực hiện theo nội dung công hàm, công văn đề nghị đối với người, hành lý, hàng hóa của đoàn khách chuyên cơ.

3. Người khai thác cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư lệnh cảnh vệ triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh tăng cường cho tàu bay, khách chuyên cơ, hành lý,

²³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

²⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

hàng hóa của đoàn khách chuyên cơ nước ngoài tại khu vực cảng hàng không, sân bay khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo thỏa thuận với cơ quan đại diện nước ngoài.

Điều 24. Quản lý danh sách nhân viên an ninh, nhân viên phục vụ chuyên bay chuyên cơ tại Việt Nam²⁵

Các cơ quan, đơn vị ngành hàng không lập danh sách nhân viên của cơ quan, đơn vị mình tham gia phục vụ chuyên bay chuyên cơ, thông báo danh sách cho Cảng vụ hàng không và lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để giám sát.

**Chương 6.
TRÁCH NHIỆM ĐẢM BẢO CHUYÊN CƠ**

Điều 25. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam²⁶

1. Tiếp nhận, triển khai nhiệm vụ bảo đảm chuyên bay chuyên cơ do hãng hàng không Việt Nam thực hiện, chuyên bay chuyên cơ nước ngoài, các thay đổi liên quan đến kế hoạch bay chuyên cơ tới các cơ quan, đơn vị sau:

- a) Cảng vụ hàng không;
- b) Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;
- c) Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam và người khai thác thác cảng hàng không có tàu bay chuyên cơ cất cánh, hạ cánh.

2. Thời hạn giao nhận thông báo chuyên bay chuyên cơ của Việt Nam như sau:

a) Đối với các chuyến bay sử dụng tàu bay riêng biệt: tối thiểu 05 ngày trước ngày dự định thực hiện đối với bay nội địa; tối thiểu 10 ngày trước ngày dự định thực hiện đối với bay quốc tế;

b) Đối với các chuyến bay kết hợp vận chuyển thương mại: tối thiểu 24 giờ trước giờ dự định cất cánh đối với bay nội địa; tối thiểu 05 ngày trước ngày thực hiện đối với bay quốc tế;

c) Đối với các chuyến bay chuyên cơ đột xuất thông báo không bảo đảm thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 của Điều này, Cục Hàng không Việt Nam trực tiếp thống nhất với các cơ quan có thẩm quyền thông báo chuyên bay chuyên cơ của Việt Nam được quy định tại Điều 7 của Nghị định số 03/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ trong việc thực hiện tiêu chuẩn chuyên cơ đối với tàu bay, tổ lái, nhiên liệu của tàu bay; triển khai tới các đơn vị và tổ chức giám sát việc thực hiện.

²⁵ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

²⁶ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

3. Phối hợp triển khai thống nhất kế hoạch bay chuyên cơ với hãng hàng không được giao nhiệm vụ thực hiện chuyến bay chuyên cơ và giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch.

4. Tổ chức giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn đối với chuyến bay chuyên cơ; đôn đốc, theo dõi công tác chuẩn bị phục vụ chuyến bay chuyên cơ, phối hợp xử lý các tình huống bất thường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ.

5. Thực hiện việc cấp phép bay cho chuyến bay chuyên cơ thuộc thẩm quyền; phối hợp, hỗ trợ hãng hàng không Việt Nam thực hiện chuyến bay chuyên cơ trong việc xin phép bay của nước ngoài.

Điều 26. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng không khu vực

1. Tiếp nhận nhiệm vụ chuyên cơ từ Cục Hàng không Việt Nam.

2. Tổ chức triển khai nhiệm vụ chuyên cơ đến các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động tại cảng hàng không; phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chuyên cơ.

3. Tổ chức giám sát trực tiếp việc thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ, việc tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an ninh, an toàn đối với chuyến bay chuyên cơ của các tổ chức, cá nhân tại cảng hàng không thuộc trách nhiệm quản lý.

Điều 27. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không, người khai thác cảng hàng không và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không nơi có tàu bay chuyên cơ cất, hạ cánh²⁷

1. Trách nhiệm doanh nghiệp cảng hàng không: chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chuyên cơ.

2. Trách nhiệm người khai thác cảng hàng không

a) Chủ trì việc đảm bảo an toàn phòng, chống cháy, nổ cho tàu bay chuyên cơ, khách chuyên cơ và hàng hóa, hành lý của đoàn khách chuyên cơ trong khu vực sân bay; phối hợp việc bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ;

b) Bố trí khu vực đỗ riêng, bố trí lực lượng canh gác bảo vệ cho tàu bay chuyên cơ và chủ trì phối hợp canh gác bảo vệ tàu bay chuyên cơ;

c) Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các bộ phận phục vụ, chuẩn bị tàu bay chuyên cơ làm nhiệm vụ, bảo đảm lịch cất, hạ cánh của tàu bay chuyên cơ;

d) Phối hợp việc tổ chức các nghi lễ đón, tiễn phù hợp với tính chất của nhiệm vụ chuyên cơ, đáp ứng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Đối với các chuyến bay chuyên cơ nước ngoài, người khai thác cảng hàng không phối hợp với cơ quan có trách nhiệm của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an bảo đảm an ninh, an toàn phòng, chống cháy, nổ tăng cường cho tàu bay,

²⁷ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

khách chuyên cơ nước ngoài tại khu vực sân bay Việt Nam, khi có yêu cầu của phía nước ngoài.

3. Trách nhiệm doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không

a) Chủ trì phối hợp việc bảo đảm an ninh cho tàu bay chuyên cơ, khách chuyên cơ và hàng hóa, hành lý của đoàn khách chuyên cơ trong khu vực sân bay;

b) Đối với các chuyến bay chuyên cơ nước ngoài, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không phối hợp với cơ quan có trách nhiệm của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an bảo đảm an ninh tăng cường cho tàu bay, khách chuyên cơ nước ngoài tại khu vực sân bay Việt Nam, khi có yêu cầu của phía nước ngoài.

Điều 28. Trách nhiệm của hãng hàng không thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ²⁸

1. Tiếp nhận, triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chuyến bay chuyên cơ.

2. Lập phương án phục vụ chuyên cơ, bao gồm: xác định tàu bay thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ, tàu bay dự bị thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ, đường bay, danh sách các nước đề nghị xin phép bay qua, bay đến, điểm vào, điểm ra các nước, các chi tiết liên quan đến việc khai thác, bảo đảm kỹ thuật, báo cáo Cục Hàng không Việt Nam như sau:

a) Đối với các chuyến bay sử dụng tàu bay riêng biệt: tối thiểu 02 ngày trước ngày dự định thực hiện đối với bay nội địa; tối thiểu 03 ngày trước ngày dự định thực hiện đối với bay quốc tế;

b) Đối với các chuyến bay kết hợp vận chuyển thương mại: tối thiểu 12 giờ trước giờ dự định cất cánh đối với bay nội địa; tối thiểu 02 ngày trước ngày thực hiện đối với bay quốc tế.

3. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ đột xuất theo đúng quy định đối với tàu bay, động cơ và tổ lái thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ đối với các chuyến bay chuyên cơ đột xuất thông báo ngoài thời hạn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 25 của Thông tư này và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam trong thời gian nhanh nhất.

4. Xin phép bay cho các chuyến bay chuyên cơ Việt Nam bay trong nước do hãng thực hiện phù hợp với quy định hiện hành. Phối hợp với Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao xin phép bay cho các chuyến bay chuyên cơ của Việt Nam bay tuyến quốc tế.

5. Lập quy trình phục vụ, vị trí ngồi, lựa chọn khách khi phục vụ khách chuyên cơ chung với khách thường, thông báo cho Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Cục Lễ tân Nhà nước, Cục Hàng không Việt Nam và tổ chức thực hiện.

²⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

6. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan bảo đảm an toàn, an ninh và lịch trình cất hạ cánh cho tàu bay chuyên cơ Việt Nam trong cả quá trình thực hiện nhiệm vụ; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Cục Lễ tân Nhà nước và đơn vị làm công tác tiền trạm đề lên phương án phục vụ tại sân bay nước ngoài.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan phục vụ khách chuyên cơ chu đáo, an toàn, đáp ứng các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chủ trì hướng dẫn, duy trì trật tự, đảm bảo an ninh trên tàu bay chuyên cơ khi có tùy tùng và các đối tượng khác bay cùng khách chuyên cơ.

8. Phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh cho hàng hóa, hành lý, tài liệu và tài sản của đoàn khách chuyên cơ.

9. Phối hợp với Bộ Tư lệnh cảnh vệ bảo đảm an ninh cho tàu bay chuyên cơ, khách chuyên cơ, hành lý, hàng hóa của đoàn khách chuyên cơ ở nước ngoài.

10. Đối với chuyến bay chuyên cơ kết hợp vận chuyển thương mại, hãng hàng không Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu nguy cơ gây mất an ninh, an toàn cho khách chuyên cơ; không vận chuyển hành khách đặc biệt theo quy định về bảo đảm an ninh hàng không trên chuyến bay chuyên cơ kết hợp vận chuyển thương mại.

Điều 29. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Phối hợp hiệp đồng điều hành bay với cơ quan quản lý điều hành bay và quản lý vùng trời của quân đội.

2. Phối hợp thực hiện quy định về việc hạn chế khai thác tại Cảng hàng không.

3. Bảo đảm phân cách giữa tàu bay chuyên cơ với các tàu bay khác, hành lang bay, phương thức thông tin liên lạc trong quá trình điều hành chuyến bay chuyên cơ.

4. Bảo đảm chế độ làm việc liên tục của thiết bị điều hành bay trong cả quá trình điều hành chuyến bay chuyên cơ.

5. Sẵn sàng xử lý các tình huống bất thường.

Điều 30. Quản lý hồ sơ thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ

Cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ có trách nhiệm ghi nhận và lưu trữ đầy đủ các chi tiết việc giao nhận, chuẩn bị, triển khai, thực hiện nhiệm vụ chuyên cơ và xử lý sự cố theo quy định về lưu trữ và Nhà nước.

Chương 7.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành²⁹

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 02/2004/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chế chuyên cơ hàng không dân dụng.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành³⁰

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 06^a /VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2015

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT (để đăng tải);
- Lưu: Văn thư, PC (2).

BỘ TRƯỞNG



Đinh La Thăng

²⁹ Điều 2 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyên bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.”

³⁰ Điều 3 Thông tư số 53/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyên bay chuyên cơ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 quy định như sau:

“Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”